

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-4-2021

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phú Hùng**

2. Ông **Phạm Ngọc Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1974

Hộ khẩu thường trú: Số 341B, khu vực L, phường Đ, quận B, thành phố C.

Bị đơn: Ông **Lê Duy T**, sinh năm 1976

Hộ khẩu thường trú: Số 341B, khu vực L, phường Đ, quận B, thành phố C.

Tất cả các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Bà và ông Lê Duy T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 15/7/2002 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận B, thành phố C. Ông bà có một con chung tên Lê Thị Huệ T sinh ngày 18/9/1999. Thời gian chung sống ông bà thường xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Bà không còn tình cảm với ông T nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Duy T.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Duy T trình bày: Quá trình kết hôn và con chung giống như bà Nguyễn Thị Ch trình bày. Tuy nhiên, ông T không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ch vì bản thân ông còn rất thương vợ. Sau khi bà Ch nộp đơn ly hôn, ông thấy rất hối hận. Hiện tại, ông đã bỏ nhậu và có việc làm, kinh tế đủ để lo cho vợ con. Ông mong muốn bà Ch tha thứ lỗi lầm cho ông để hàn gắn gia đình. Về tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Duy T. Quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp xin ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại số 341B, khu vực L, phường Đ, quận B, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ch cho rằng, trong quá trình chung sống ông T thường xuyên đi nhậu xin về đánh vợ, có lần đánh bà gãy tay. Ngoài ra, ông T còn chơi cờ bạc gây nợ nần. Bà đã cố gắng kiếm tiền trả hết cho ông T nhưng ông không vì thương vợ mà thay đổi. Do đó, bà kiên quyết ly hôn với ông T. Về phía ông T thừa nhận ông đã sai và rất hối hận với hành động của mình đã gây ra đối với vợ. Thực tế, ông còn rất thương vợ. Sau khi bà Ch bỏ đi, ông đã từ bỏ việc nhậu nhẹt, chí thú làm ăn nên mong muốn bà Ch tha thứ lỗi lầm, cho ông có cơ hội được chăm sóc vợ con. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cho các bên thời gian để hàn gắn tình cảm nhưng đến thời điểm hiện tại bà Ch vẫn không muốn hàn gắn tình cảm gia đình với ông T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Ch, ông T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ch.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ch và ông Lê Duy T có một con chung tên Lê Thị Huệ T sinh ngày 18/9/1999 đã trưởng thành nên không giải quyết.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà Ch và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch về việc xin ly hôn với ông Lê Duy T.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Ch được ly hôn với ông Lê Duy T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/004952 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C. Đương sự đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C xét xử theo trình tự phúc thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Hùng

Phạm Ngọc Hà

Nguyễn Thúy Quyên

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. C;
- VKSND Q. B;
- UBND P Đ;
- Chi cục THADS Q.B;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Quyên